TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2017 /HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2017
V/v : "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Khánh - Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Lê Minh Thiện

Thư ký phiên tòa : Bà Phạm Thị Thi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên;

Ngày 29/12/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre - tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 428/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 69/2017/QĐXX-ST, ngày 30/11/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ngọc S, sinh năm 1990, địa chỉ: 34C, ấp C, xã A, thành phố T, tỉnh T, tạm trú: 116/TP ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre;

2.Bị đơn: Ông Phạm Hậu A, sinh năm 1986, địa chỉ: 34C, ấp C, xã A, thành phố T, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Đoàn Thị Ngọc S trình bày :

Bà và ông Phạm Hậu A thành hôn vào năm 2013, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/5/2013. Sau khi thành hôn vợ chồng sinh sống ở bên nhà chồng tại xã A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 12/2013 , vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông Hậu A chơi cờ bạc, gây nợ nần và bà đã trả nợ cho ông Hậu A khoảng 100.000.000 đồng(Một trăm triệu) đồng. Bà đã nhiều lần khuyên nhũ ông A nhưng ông vẫn không khắc phục. Đến năm 2015, bà đã nộp đơn xin ly hôn đối với ông A tại Toà án nhân dân thành phố Bến Tre. Sau

đó, ông A năn nỉ nên bà rút đơn khởi kiện để hai vợ chồng hàn gắn nhưng ông A không sửa đổi vẫn chơi cờ bạc. Năm 2016, bà cũng đã nộp đơn xin ly hôn tại Toà án nhân dân thành phố Bến Tre 02 lần nhưng ông Hậu A năn nỉ và bà đã rút đơn khởi kiện để hai vợ chồng đoàn tụ. Sau đó, ông Hậu A vẫn không khắc phục vẫn tiếp tục chơi cờ bạc, gây nợ nần và bà đã đứng ra trả nợ cho ông A khoảng 40.000.000 đồng.

Bà S đã về nhà mẹ ruột ở xã T, huyện T sinh sống từ tháng 03/2017. Đồng thời, ông A đã về Ba Tri sinh sống với bà được 02 tháng và sau đó ông A đã bỏ về nhà tại xã A, thành phố T sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống bà S, ông A có 01 con chung tên Phạm Cao T, sinh ngày 08/01/2017.

Nay, Bà Đoàn Thị Ngọc S xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên có đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/9/2017 với yêu cầu như sau :

Về quan hệ hôn nhân : Bà Đoàn Thị Ngọc S yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hậu A.

Về quan hệ nuôi con chung : có 01 con chung tên Phạm Cao T, sinh ngày 08/01/2017, bà S yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Phạm Hậu A cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ chia tài sản : Bà S khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung : Bà S khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình tố tụng, đối với bị đơn là ông Phạm Hậu A trình bày :

Ông A không đồng ý ly hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn đến mức phải ly hôn, ông muốn vợ con về cùng sống với ông; Về tài sản chung và nợ chung, hai vợ chồng không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng : Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án; Đối với người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án vi phạm khoản 15,16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh Hậu A, giao cháu Phạm Cao T cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận việc chị S không yêu cầu anh Hậu A cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đoàn Thị Ngọc S xin ly hôn với ông Phạm Hậu A nên xác định đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, về việc tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] Ông Phạm Hậu A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như : Quyết định đưa vụ án ra xét xử , ông A vắng mặt lần thứ nhất Hội đồng xét xử hoãn

phiên tòa ngày 18/12/2017. Ngày mở lại phiên tòa ngày 00/12/2017, ông A vắng mặt lần thứ hai, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thông theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Với chứng cứ và các tài liệu bà Đoàn Thị Ngọc S cung cấp cho Tòa án để chứng minh ông bà đã đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2013, chứng cứ này là có căn cứ nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà S trình bày quá trình chung sống của vợ chồng cho đến tháng 12/2013 thì không còn hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay, giữa bà với ông Phạm Hậu A không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn với ông A. Xét thấy, vợ chồng bà S ông A không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là phù hợp tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Ngọc S đối với ông Phạm Hậu A.

- Quan hệ nuôi con chung : có 01 con chung tên Phạm Cao T, sinh ngày 08/01/2017, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Phạm Hậu A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà S là có căn cứ và hợp pháp, vì tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau : "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi". Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông Phạm Hậu A cấp dưỡng nuôi con.

- Quan hệ chia tài sản : Bà S và ông A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét .

- Quan hệ nợ chung : Bà S và ông A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[4] Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch, bà Đoàn Thị Ngọc S phải chịu số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại Phần II mục 1.1 Danh mục Án phí, Lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013142, ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 , 58, 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử :

1) Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị Ngọc S và ông Phạm Hậu A.

2) Về nuôi con chung: có một con chung tên Phạm Cao T, sinh ngày 08/01/2017, bà Đoàn Thị Ngọc S được trực tiếp nuôi con .

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Ngọc S không yêu cầu ông Phạm Hậu A cấp dưỡng nuôi con.

3) Về chia tài sản: Không có.

4) Về nợ chung: Không có.

5) Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch, bà Đoàn Thị Ngọc S phải chịu số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013142, ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND. thành phố. Bến Tre;
- TAND. tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS. thành phố Bến Tre;
- UBND. xã A, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Khánh